

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC10+CLO	7:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
2		P8+TD1	7:25	3+18	0+0		1+20	0+0	
3		BK5+BK6+P2	7:25	6+5+11	0+0+0		3+2+17	0+0+0	
4		BK16+RP2	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
5		P2+BK8	9:25	16+6	0+0		15+6	0+0	CHUYEN 1 P2-BK8
6		CTC1+BK5+BK6	11:25	15+4+3	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
7		RP2+P3+P10	11:25	17+2+1	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
8		CTK3+TD1	13:25	18+3	0+0		18+3	0+0	
9		GTCl+RC3+CLO	13:25	10+7+4	0+0+0		0+7+6	0+0+0	

TTBDSX

Đi về trong ngày bk5-3ng, bk6-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024		TO: RC10 - CLO			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:30		
FLIGHT: 1		FROM: VT			CREW: LINH - XTRƯỜNG -			ETA: 09:20		
XANH-1					MQUÂN					
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO VIỆT HAI	RC10	69	1	8	2	35	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	71	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	RC10	70	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC HOA	RC10	68	1	6			66	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	83	1	7	1	15	56	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN KHANG	CLO	82	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	79	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	84	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN THẾ DUNG	CLO	85	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM CÔNG CHUNG	CLO	78	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
11	NGHIÊM XUÂN VIỆT	CLO	77	1	11			68	ANTOAN	Vietnamese
12	HOÀNG TRUNG THÔNG	CLO	74	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	73	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG THANH MINH	CLO	80	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CLO						81	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NHÂN	CLO	88	1	5			61	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	89	1	10			93	KHOAN	Vietnamese
18	LÀ QUÝ DANH	CLO	91	1	8			62	DVL	Vietnamese
19	KIỆU TUẤN ANH	CLO	86-87	2	13			83	DVL	Vietnamese
20	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	CLO	81	1	11			79	DVL	Vietnamese
21	LƯU ĐÌNH TRỌNG	CLO	75	1	14			80	DVL	Vietnamese
22	DƯƠNG BA VINH	CLO	76	1	14			96	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	4	261	4	29	2	35	4		
2	CLO	18	1.304	18	142	1	15	18		
TOTAL		22	1.565	22	171	3	50	22		
WEIGHT KG			1.565		171		50			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024	TO: P8 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC -	ETA: 09:25
cam-1		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN THANH	P8	69	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
2	HA VAN CANH	P8	66-68	3	17			62	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NGOC TAN	P8	65,92	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
4	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	17	1	9			90	KHOAN	Russian
5	PHẠM TIẾN NINH	TD1	16	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HUY QUANG	TD1	18	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	07	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	06	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHONG	TD1	05	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
10	BAZHIKOV T.	TD1	08-09	2	10			93	NIPI	Russian
11	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	10-11	2	15			72	YTE	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HUNG	TD1	03	1	2			54	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN LUẬN	TD1	01	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM QUANG ANH	TD1				5	53	72	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN THANH TUẤT	TD1	02	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	12	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
17	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	04	1	9			83	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	13-14	2	11			81	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC HIỆP	TD1	21	1	4			73	SEAMAP	Vietnamese
20	HOANG DUY LINH	TD1	19-20	2	12			78	SEAMAP	Vietnamese
21	NGÔ THANH SƠN	TD1	15	1	9			79	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	3	194	6	32	0	0	2		
2	TD1	18	1.323	21	119	5	53	20		
TOTAL		21	1.517	27	151	5	53	22		
WEIGHT KG			1.517		151		53			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024	TO: BK5 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - VŨ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NAM THAI	BK5				1	20	63	D-HANH	Vietnamese
2	BELENKO A. V.	BK5	40	1	2			95	D-HANH	Russian
3	PHẠM XUÂN TIẾN	BK5						58	ANTOAN	Vietnamese
4	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	39	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI QUANG DUY	BK5	42	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG THAI LONG	BK5	41	1	7			58	PSV	Vietnamese
7	VU VAN MẠNH	BK6				3	50	81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THANG	BK6						73	KH-THAC	Vietnamese
9	YUSUPOV	BK6						77	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN TIẾN DUNG	BK6	80	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	79	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN ĐĂNG	P2	21	1	7	2	40	68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KHÁC QUỐC	P2	15	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH NAM	P2						58	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO HỮU NGUYỄN	P2	18	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN DOÀN HUƠNG	P2	20	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	P2	19	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						81	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ANH BAO	P2	23	1	10			64	YTE	Vietnamese
20	VÕ ANH NGỌC	P2	25	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	22	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	24	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK5	6	427	4	30	1	20	3		
2	BK6	5	371	2	10	3	50	2		
3	P2	11	768	9	60	2	40	17		
TOTAL		22	1.566	15	100	6	110	22		
WEIGHT KG			1.566		100		110			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024	TO: BK16 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - XTRƯỜNG -	ETA: 11:40
VANG-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI CÔNG THANH	BK16	84-85	2	15			82	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH THĂNG	BK16	56-57	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM MINH VŨ	BK16	58	1	10	1	14	75	XAYLAP	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐĂNG CUÔNG	BK16	60-61	2	20	4	36	73	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HÀ	RP2	74	1	8	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG HỮU SƠN	RP2	77	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN SÁCH ĐƠN	RP2	68	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	76	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN KIM CUÔNG	RP2	69	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TUẤN ANH	RP2	85	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH CÔNG	RP2	500	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN SĨ ĐIẾP	RP2	80	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	78	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	05	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CÔNG MINH HIỆU	RP2	70	1	9			98	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ TUẤN ANH	RP2	72-73	2	15			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	75	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HOÀNG HÙNG	RP2	80-81	2	17			88	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI SANG	RP2	83	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ VĂN SANG	RP2	71	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUANG LỢI	RP2	84	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	82	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	4	297	7	62	5	50	0		
2	RP2	18	1.280	20	132	1	20	22		
TOTAL		22	1.577	27	194	6	70	22		
WEIGHT KG			1.577		194		70			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024		TO: P2 - BK8			AIRCRAFT: 410			ETD: 09:55		
FLIGHT: 5		FROM: VT			CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG			ETA: 11:45		
XANH-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG ĐÌNH QUÂN	P2	05	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	10	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	08-09	2	16			78	KH-THAC	Vietnamese
4	HA CHIEN THANG	P2	07	1	9			85	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ HUY QUYNH	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN NAM	P2	52	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	51	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2						72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ SỸ VANG	P2	13	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN MINH XANH	P2	12	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ANH TÚ	P2	02-04	3	16			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	11	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN SƠN	P2	14	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THANH HIEN	P2	06	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TÂN QUÂN	P2	01	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG NINH	P2						66	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG CẨM	BK8	08	1	13	3	55	77	KH-THAC	Vietnamese
18	PHÙNG ANH TUẤN	BK8	10	1	3	1	6	71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC HOANG HAI	BK8	09	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ TÂN	BK8	05	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN HUNG	BK8	06	1	6			65	PSV	Vietnamese
22	BUI ĐỨC ANH	BK8	07	1	7			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	16	1.125	16	106	0	0	15	11	CHUYEN 1 PAX P2-BK8
2	BK8	6	448	6	48	4	61	6		
TOTAL		22	1.573	22	154	4	61	21		
WEIGHT KG			1.573		154		61			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024	TO: CTC1 - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DUONG - ĐNAM - TOAN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LÂM	CTC1	81-82	2	13	3	50	71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	71	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	80	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH DUY	CTC1	78	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	77	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	79	1	3			47	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	67	1	11			92	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO VĂN KHÔI	CTC1	68	1	12	1	15	53	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH ĐỨC VƯƠNG	CTC1	70	1	16			76	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÀ	CTC1	72-73	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIỂU	CTC1	75-76	2	20			87	NPI	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	83	1	8			74	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH GIAU	CTC1	74	1	4			67	PSV	Vietnamese
15	VŨ TIẾN NGỌC	CTC1	84	1	9			82	DK9	Vietnamese
16	TRẦN HỮU TRI	BK5	44	1	11			91	SINH HUNG	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THÔNG	BK5	45	1	17			60	SINH HUNG	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THOA	BK5	32-33	2	11			63	SINH HUNG	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	34	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HAI	BK6	85	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUỐC TUẤN	BK6	86	1	11	1	13	83	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN TRONG MINH	BK6	84	1	3			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	15	1.095	17	144	4	65	13		
2	BK5	4	274	5	45	0	0	4		
3	BK6	3	229	3	24	1	13	5		
TOTAL		22	1.598	25	213	5	78	22		
WEIGHT KG			1.598		213		78			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024	TO: RP2 - P3 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - NNAM	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	94	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	RP2	96	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ DUY QUYÊN	RP2	40	1	13			63	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CHI CUÔNG	RP2	93	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	97-98	2	13			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	39	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI VĂN TUÂN	RP2	95	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LONG	RP2	45	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	42	1	14			67	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	41	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ HỒNG THÀNH	RP2	92	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2				2	10	80	PSV	Vietnamese
14	TRẦN MINH HÙNG	RP2	47	1	7			88	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	49	1	7			68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	48	1	6			65	PSV	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH TỰ	RP2	46	1	7			64	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P3	77-79	3	20			65	ANTOAN	Vietnamese
19	PHAN VĂN CHUNG	P3	80	1	7			80	ANTOAN	Vietnamese
20	KRAVTSOV ALEXANDR	P10	75	1	19	3	36	75	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	17	1.180	16	123	2	10	14		
2	P3	2	145	4	27	0	0	0		
3	P10	1	75	1	19	3	36	8		
TOTAL		20	1.400	21	169	5	46	22		
WEIGHT KG			1.400		169		46			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024		TO: CTK3 - TD1		AIRCRAFT: 406				ETD: 14:30		
FLIGHT: 8		FROM: VT		CREW: DƯƠNG - ĐNAM - TOAN				ETA: 16:20		
VANG-4										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN TUẤN ANH	CTK3	33-34	2	15	1	10	65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THAI BÌNH	CTK3	36-37	2	10			71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TÙNG	CTK3	28-29	2	18	2	40	76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOÀN	CTK3	31-32	2	14			73	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN ĐỊNH	CTK3	25	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN PHI BĂNG	CTK3	26-27	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	CTK3	22	1	9			70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN QUANG	CTK3	23-24	2	16			58	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN MẠNH	CTK3	30	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ QUANG HÙNG	CTK3	17	1	10	1	15	74	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VĂN LÂM	CTK3	20-21	2	14			71	XAYLAP	Vietnamese
12	HUỲNH THAI HÒA	CTK3	16	1	5	6	45	67	T-TIN	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG HÙNG	CTK3	14-15	2	11			94	T-TIN	Vietnamese
14	BUI QUỐC DƯƠNG	CTK3	12	1	6			55	PSV	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC TUẤN	CTK3	38	1	5			70	PSV	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG THANH	CTK3	19	1	7			69	PSV	Vietnamese
17	LÊ TRẦN MINH KHANH	CTK3	13	1	7			59	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN PHÚC	CTK3						70	SBAY	Vietnamese
19	VÔ HỮU TÂN	TD1	61	1	13			75	DVL	Vietnamese
20	PHẠM QUANG TRUNG	TD1	63	1	11			80	DVL	Vietnamese
21	TRƯƠNG MINH KHANH	TD1	62	1	12			70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	18	1.242	25	194	10	110	18		
2	TD1	3	225	3	36	0	0	4		
TOTAL		21	1.467	28	230	10	110	22		
WEIGHT KG			1.467		230		110			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2024	TO: GTC1 - RC3 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO - NNAM	ETA: 16:25
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN NGỌC THỂ	GTC1	40-41	2	2	1	14	68	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TOÀN	GTC1	34-35	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT DŨNG	GTC1	43	1	9			67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN KHOA	GTC1	38-39	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUY	GTC1	36-37	2	13			75	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ VĂN DUÂN	GTC1	30	1	16			74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN KHẮC THO	GTC1	26-27	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH TRỌNG KIẾN	GTC1	28-29	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ PHÚ TOA	GTC1	32	1	14	1	20	64	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐO VĂN HUYỀN	GTC1	31	1	17			82	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	52	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	43	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC XUÂN	RC3	42	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THỂ MẠNH	RC3	44	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐẠI ĐÌNH	RC3	53	1	4			69	PSV	Vietnamese
16	ĐO XUÂN LỢI	RC3	54	1	6	2	72	79	PVGAS	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN HỮU	RC3	55	1	6			72	PVGAS	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIỆP	CLO	95	1	15			75	DVL	Vietnamese
19	BUI HUY BẢNG	CLO	92-93	2	16			67	DVL	Vietnamese
20	NHÂM ĐỨC TUÂN	CLO	96	1	14			70	DVL	Vietnamese
21	VU VAN PHUC	CLO	94	1	5			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	GTC1	10	706	16	148	2	34	0		
2	RC3	7	492	7	42	2	72	7		
3	CLO	4	267	5	50	0	0	6		
TOTAL		21	1.465	28	240	4	106	13		
WEIGHT KG			1.465		240		106			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RC5+RP3	7:25	19+1+1	0+0+0		16+0+6	0+0+0	
2		TD2+CTK3+TD3	9:25	5+0+14	0+0+0		6+0+15	0+0+0	chuyen 2 td2- ctk3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2024	TO: TD2 - RC5 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	22	1	4	1	8	62	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD2	13	1	7	4	20	81	KHOAN	Vietnamese
3	VU NGỌC HOÀN	TD2	12	1	6	2	40	70	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN XUÂN	TD2	21	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VINH THUẬT	TD2	11	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN NAM	TD2						80	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VIỆT LINH	TD2	17-18	2	13			112	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN VANG	TD2	08	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TU	TD2	10	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
10	VU VĂN THỦY	TD2	23	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
11	VU VĂN THIÊN	TD2	33	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VĂN THOẠI	TD2				2	23	73	YTE	Vietnamese
13	GIANG VĂN VƯƠNG	TD2	07	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TÂN TỊNH	TD2	14-15	2	11			72	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	19-20	2	8			85	KHOAN	Vietnamese
16	LƯU ĐÌNH MINH	TD2	24	1	17			83	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUÂN	TD2	25	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD2	16	1	15			61	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ NGỌC LUÂN	TD2	09	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DŨNG	RC5	95-96	2	14			55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TỊNH	RP3	98-99	2	17	5	74	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	19	1.418	20	145	9	91	16		
2	RC5	1	55	2	14	0	0	0		
3	RP3	1	75	2	17	5	74	6		
TOTAL		21	1.548	24	176	14	165	22		
WEIGHT KG			1.548		176		165			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2024	TO: TD2 - CTK3 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HOANG NGUYEN	TD2	42-43	2	10	2	30	85	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THAI	TD2	38-39	2	19			83	SCHLUMBE	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC THỊNH	TD2	36	1	10	1	10	79	SCHLUMBE	Vietnamese
4	CHU ĐÌNH THANH	TD2	44	1	8	1	5	52	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN MINH	TD2	40-41	2	19			87	PSV	Vietnamese
6	HOANG VAN THUONG	TD3	30	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG MINH TOAN	TD3	31	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	21	1	6			104	KHOAN	Vietnamese
9	CHU VĂN THĂNG	TD3	33	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
10	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	24	1	8			93	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẠO TIẾN THIẾT	TD3	20	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ ANH THOẠI	TD3	22-23	2	10			93	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	19	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	29	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
15	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	32	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	28	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	27	1	7			90	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUYỀN	TD3	26	1	6			59	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LOAN	TD3	25	1	5	1	12	46	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	5	386	8	66	4	45	6+2		CHUYEN 2 PAX+90KG TD2-CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	2	35	0		
3	TD3	14	1.018	15	102	1	12	15		
TOTAL		19	1.404	23	168	7	92	21		
WEIGHT KG			1.404		168		92			

GRAND TOAL: 1.659 KGS +5kgs

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD5	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
2		TD3	7:25	21	0		22	0	
3		TD5+TD3	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
4		TD1+RP3 TD1+RP3	9:25	11+0+0	0+0+0		0+5+14	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2024	TO: P5 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC ANH	P5	93-94	2	22			93	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	P5	95	1	14			73	ANTOAN	Vietnamese
3	LÊ TRUNG SƠN	TD5	80	1	9			78	D-HANH	Vietnamese
4	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	71	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	66	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	75-76	2	14			81	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	72	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	65	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	70	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
10	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	60	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH DUY	TD5	67	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC CUƠNG	TD5	78-79	2	12			65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN TUẤN ANH	TD5						83	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	79	1	7	1	20	73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LÊ	TD5	61	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
16	FOK S.I.	TD5	62	1	9			124	KHOAN	Russian
17	PAVLYCHEV VLADIMIR	TD5	63	1	6			87	KHOAN	Russian
18	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD5	59	1	5			78	ANTOAN	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH HÙNG	TD5	68-69	2	9			78	KHOAN	Vietnamese
20	HÀ MẠNH HẢI	TD5	64	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN KHAI	TD5	73-74	2	22			75	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	81-82	2	19			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	2	166	3	36	0	0	0		
2	TD5	20	1.515	24	164	1	20	22		
TOTAL		22	1.681	27	200	1	20	22		
WEIGHT KG			1.681		200		20			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2024	TO: TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - N. ANH - THÀNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PODKATILIN A.N	TD3	70	1	11			81	KHOAN	Russian
2	TRẦN CÔNG MINH	TD3	89	1	11			72	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	90	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CANH THẠC	TD3	84	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NHAN	TD3	91	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
6	LE TU HOP	TD3	85	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HAI -81	TD3	66	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
8	MAKAROV EVGENY	TD3	82	1	12			82	ANTOAN	Russian
9	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	988	1	2			74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD3	67	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM THANH DŨNG	TD3						67	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	991	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CAO HOANG	TD3	287,92	2	7			77	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THANH	TD3	68-69	2	12			56	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	83	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
16	HA SY NGUYỄN	TD3	993	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TIẾN	TD3	990	1	9			60	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD3	989	1	5			67	DVL	Vietnamese
19	MAI VĂN DƯƠNG	TD3	86	1	15			84	DVL	Vietnamese
20	VŨ VĂN TRUNG	TD3	992	1	4			76	DVL	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬT	TD3	87-88	2	17			74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	21	1.435	23	151	0	0	22		
TOTAL		21	1.435	23	151	0	0	22		
WEIGHT KG			1.435		151		0			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2024	TO: TD5 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - VŨ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN CAO DANH	TD5	25	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC TOÀN	TD5						83	KHOAN	Vietnamese
3	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	15	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀU TRỌNG HOÀNG	TD5	19	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUE	TD5	18	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
6	TÔ THANH HÙNG	TD5	21	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	06	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
8	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	02	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
9	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	14	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH QUANG TRƯỞNG	TD5	10	1	11			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY QUANG	TD5	16-17	2	16			72	DMC-MI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD5	12-13	2	16			65	DMC-MI	Vietnamese
13	NGÔ VĂN TRỌNG	TD5	07	1	12			60	DMC-MI	Vietnamese
14	VÔ ĐỨC NGỌC TÂM	TD5	09	1	11			67	DMC-MI	Vietnamese
15	ĐO HOÀI THANH	TD5	26	1	10	3	51	79	DVL	Vietnamese
16	LÊ THANH TÚ	TD5	24	1	9			79	DVL	Vietnamese
17	LƯƠNG NGỌC HOÀNG	TD5	05	1	7			74	DVL	Vietnamese
18	VŨ THANH DƯƠNG	TD5	22	1	9			84	DVL	Vietnamese
19	TRẦN ĐẮC THĂNG	TD5	03-04	2	6			74	PSV	Vietnamese
20	ĐÀO XUÂN THỌ	TD5	08	1	6			70	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐÌNH THIN	TD5	23	1	4			64	PSV	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN TRUNG	TD5	11,20	2	12			67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	22	1.513	25	171	3	51	20		
2	TD3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.513	25	171	3	51	22		
WEIGHT KG			1.513		171		51			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2024	TO: TD1 - P9 - P1 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - THANH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TIEN HAI	P1	31-32	2	15			50	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HIEU	P1	28	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM NGOC HA	P1	16-17	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
4	LAI XUAN DUOC	P1	33-34	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
5	TA TRUNG HIEU	P1	45	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN XUAN LOC	P1	41-42	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
7	HO VAN DUYET	P1	35-36	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
8	BIEN VAN THANH	P1	37	1	15			83	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUONG	P1	43-44	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
10	VAN TIEN DUAN	P1	39-40	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN ANH QUANG	P1	38	1	6			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	0	0	0	0	0	0	5		
2	P9	0	0	0	0	0	0	2		
3	P1	11	720	18	171	0	0	0		
4	RP3	0	0	0	0	6	102	14		
TOTAL		11	720	18	171	6	102	21		
WEIGHT KG			720		171		102			

GRAND TOAL: 993 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+CTK3+P11	7:25	9+12+0	0+0+0		0+12+9	0+0+0	tat máy 2h

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2024	TO: P3 - CTK3(+2h) - P11	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - VŨ	ETA: 11:30
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P3	90-91	2	14			54	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN CANH TOÀN	P3	86	1	12			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC PHONG	P3	81	1	9			70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	TRẦN VŨ CA	P3	84-85	2	15			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	BUI VĂN HÀ	P3	93-94	2	8			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THĂNG	P3	87-88	2	17			74	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC QUY	P3	89	1	5			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN CANH TŨ	P3	82-83	2	13			58	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	NGUYỄN BA THĂNG	P3	92	1	8			52	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	PHẠM CÔNG THANH	CTK3						80	SƯ ĐOÀN 3	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH SANG	CTK3						82	SƯ ĐOÀN 3	Vietnamese
12	TRƯỜNG TRUNG QUÂN	CTK3						65	SƯ ĐOÀN 3	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HÙNG	CTK3				6	120	70	SƯ ĐOÀN 3	Vietnamese
14	CAO THẾ ANH	CTK3						68	SƯ ĐOÀN 3	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH KHANH	CTK3						70	BỘ TƯ LỆN	Vietnamese
16	TRẦN CHI TÂM	CTK3						60	BỘ TƯ LỆN	Vietnamese
17	LÊ ĐĂNG TÂM	CTK3						68	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	CTK3						60	D-HANH	Vietnamese
19	PHẠM QUANG TUÂN	CTK3	01-02	2	12			102	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG THAO	CTK3						71	D-HANH	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐÌNH CÔNG	CTK3						80	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN LONG	CTK3						70	BIÊN PHON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	9	581	14	101	0	0	0		
2	CTK3	13	946	2	12	6	120	12		DUNG 2Hrs tai p2
3	P11	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	1.527	16	113	6	120	22		
WEIGHT KG			1.527		113		120			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

